CPA VIETNAM

Qualified Services
with Global
Understanding and Vision

INPACT MEMBER

Local Expertise
International Presence

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Head Office in Hanoi: 8th floor, VG Building,
No. 235 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3 783 2121
+84 (24) 3 783 2122
info@cpavietnam.vn
www.cpavietnam.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Hà Nam, tháng 3 năm 2022

Người ký: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77
Ký ngày: 30/03/2022 14:04:59

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thành An 77 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thành An 77 (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ xí nghiệp Xi măng 77 theo quyết định số 153/2004/QĐ-BQP ngày 23 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0700100257, đăng ký lần đầu ngày 05/03/2008, thay đổi lần thứ 09 ngày 10/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Thanh An 77 Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt: THANH AN 77., JSC

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy đăng ký doanh nghiệp số 0700100257 thay đổi lần thứ 09 ngày 10/05/2017 là 13.409.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười ba tỷ, bốn trăm lẻ chín triệu đồng)*, vốn thực góp là 13.408.773.482 đồng.

Trụ sở chính của Công ty: Thôn Đồng Mười, xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Bùi Thị Nguyên Hạnh	Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Tiến Nghĩa	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Công	Thành viên
Bà Lê Thị Lan Hòa	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Công	Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0700100257 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77
HUYỆN KIM BẢNG - TỈNH HÀ NAM

Nguyễn Đình Công
Tổng Giám đốc
Hà Nam, ngày 25 tháng 3 năm 2022

CPA VIETNAM
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
+84 (24) 3 783 2121 info@cpavietnam.vn
+84 (24) 3 783 2122 www.cpavietnam.vn

INPACT MEMBER

Số: 131/2022/BCKT-CPA VIETNAM-NV1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
của Công ty Cổ phần Thành An 77

Kính gửi: **Các Cổ đông,**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thành An 77

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thành An 77 được lập ngày 25 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 24, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham dự chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên sau ngày này, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng các thủ tục này cũng không giúp chúng tôi thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán theo yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về tính hiện hữu và giá trị của các khoản mục nêu trên và ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Trong năm 2021, Công ty không thực hiện nhập xuất hàng tồn kho. Tuy nhiên, phương pháp tính giá trị xuất kho vật tư của Công ty từ năm 2016 chưa phù hợp nên giá trị hàng tồn kho tại thời điểm 01/01/2016 không phản ánh hợp lý và ảnh hưởng đến thời điểm 31/12/2021, với những tài liệu Công ty cung cấp, chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục để đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2021 của Công ty. Theo đó, bất kỳ sự điều chỉnh nào (nếu có) cũng có thể làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

Công ty đang thực hiện đàm phán với các ngân hàng về việc cơ cấu lại các khoản vay, trong đó bao gồm việc giảm và xóa một phần lãi vay. Theo đó, Công ty không thực hiện ghi nhận chi phí lãi vay hàng năm vào kết quả kinh doanh. Tới thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được văn bản chính thức nào từ phía ngân hàng về vấn đề này. Theo ước tính của Kiểm toán viên, chi phí lãi vay cần ghi nhận lũy kế đến 31/12/2020 là 54.153.991.264 đồng, chi phí lãi vay năm 2021 là 10.198.351.975 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại mục 4 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính - Giả định về khả năng hoạt động liên tục, tại thời điểm 31/12/2021, Công ty đã ngừng các hoạt động chính, giảm phần lớn số lượng lao động, kết quả kinh doanh trong năm lỗ 7,8 tỷ đồng, lỗ lũy kế vượt quá vốn chủ sở hữu hơn 14 lần, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 146,4 tỷ đồng, ảnh hưởng lớn đến khả năng thanh toán của Công ty. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Vũ Ngọc An	**Nguyễn Khánh Minh**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4484-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐTV, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN		MS	TM	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**5.138.442.431**	**5.492.869.238**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5.1**	**1.945.805.588**	**1.212.171.306**
1.	Tiền	111		1.945.805.588	1.212.171.306
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**-**	**774.358.837**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	8.967.559.344	8.967.559.344
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		373.516.192	373.516.192
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	6.841.947.470	6.841.947.470
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(16.183.023.006)	(15.408.664.169)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**5.5**	**3.191.958.843**	**3.505.941.095**
1.	Hàng tồn kho	141		3.191.958.843	3.505.941.095
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**678.000**	**398.000**
1.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		280.000	-
2.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.9	398.000	398.000
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**15.840.543.889**	**24.618.361.108**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**61.950.000**	**61.950.000**
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	1.619.387.931	1.619.387.931
2.	Phải thu dài hạn khác	216	5.3	61.950.000	61.950.000
3.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.4	(1.619.387.931)	(1.619.387.931)
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**15.775.316.712**	**24.551.881.503**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	15.775.316.712	24.550.272.772
	- *Nguyên giá*	*222*		*153.866.363.455*	*153.866.363.455*
	- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(138.091.046.743)*	*(129.316.090.683)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	1.608.731
	- *Nguyên giá*	*228*		*367.987.883*	*367.987.883*
	- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(367.987.883)*	*(366.379.152)*
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**3.277.177**	**4.529.605**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		3.277.177	4.529.605
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)		**270**		**20.978.986.320**	**30.111.230.346**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN		MS	TM	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C-	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**205.366.022.719**	**206.608.580.886**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**151.607.575.303**	**152.850.133.470**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	11.001.030.214	11.764.953.457
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		86.524.801	86.524.800
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	3.306.513.146	3.505.108.071
4.	Phải trả người lao động	314		152.756.477	152.756.477
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	2.421.214.178	2.359.254.178
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	89.538.646.486	89.538.646.486
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	45.100.890.001	45.442.890.001
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**53.758.447.416**	**53.758.447.416**
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	53.758.447.416	53.758.447.416
D-	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**(184.387.036.399)**	**(176.497.350.540)**
I-	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**5.13**	**(184.329.871.351)**	**(176.440.185.492)**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.408.773.482	13.408.773.482
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*13.408.773.482*	*13.408.773.482*
2.	Quỹ đầu tư phát triển	418		557.613.600	557.613.600
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(198.296.258.433)	(190.406.572.574)
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		*(190.406.572.574)*	*(182.033.427.701)*
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		*(7.889.685.859)*	*(8.373.144.873)*
II-	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		**(57.165.048)**	**(57.165.048)**
1.	Nguồn kinh phí	432		(57.165.048)	(57.165.048)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)		**440**		**20.978.986.320**	**30.111.230.346**

Hà Nam, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Anh Dũng	Nguyễn Anh Dũng	Nguyễn Đình Công

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.206.877.088	2.303.288.364
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		2.206.877.088	2.303.288.364
4.	Giá vốn hàng bán	11	6.2	8.351.284.008	8.907.703.163
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**(6.144.406.920)**	**(6.604.414.799)**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	44.920	139.438
7.	Chi phí tài chính	22	6.4	61.960.000	61.124.000
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*61.960.000*	*61.124.000*
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	1.365.826.607	538.870.055
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}**	**30**		**(7.572.148.607)**	**(7.204.269.416)**
11.	Thu nhập khác	31		-	-
12.	Chi phí khác	32	6.6	317.537.252	1.168.875.457
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**	6.6	**(317.537.252)**	**(1.168.875.457)**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)**	**50**		**(7.889.685.859)**	**(8.373.144.873)**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**(7.889.685.859)**	**(8.373.144.873)**
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	(5.883,97)	(6.244,53)

Hà Nam, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Anh Dũng	Nguyễn Anh Dũng	Nguyễn Đình Công

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	01		2.427.564.800	2.773.617.200
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(794.919.388)	(186.883.028)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.200.000)	(16.200.000)
4. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(540.856.050)	(482.939.164)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**1.075.589.362**	**2.087.595.008**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		44.920	139.438
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**44.920**	**139.438**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	58.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(342.000.000)	(1.078.098.037)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(342.000.000)**	**(1.020.098.037)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	**50**		**733.634.282**	**1.067.636.409**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**5.1**	1.212.171.306	144.534.897
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	**70**	**5.1**	**1.945.805.588**	**1.212.171.306**

Hà Nam, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Anh Dũng	Nguyễn Anh Dũng	Nguyễn Đình Công

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thành An 77 được cổ phần hóa từ xí nghiệp Xi măng 77 theo quyết định số 153/2004/QĐ-BQP ngày 23 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0700100257, đăng ký lần đầu ngày 05/03/2008, thay đổi lần thứ 09 ngày 10/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Thanh An 77 Joint Stock Company

Tên Công ty viết tắt: THANH AN 77.,JSC

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy đăng ký doanh nghiệp số 0700100257 thay đổi lần thứ 09 ngày 10/05/2017 là 13.409.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười ba tỷ, bốn trăm lẻ chín triệu đồng)*, vốn thực góp là 13.408.773.482 đồng.

Trụ sở đăng ký của Công ty: Thôn Đồng Mười, xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 02 người (tại ngày 31/12/2020 là 02 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và sản phẩm liên quan;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Cung ứng lao động tạm thời; hoạt động hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao; cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Đại lý, môi giới, đấu giá; bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác, bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng); bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa; bốc xếp hàng hóa; cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính; cung ứng và quản lý nguồn lao động (cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước)

Hoạt động chính trong năm của Công ty là cho thuê dây chuyền sản xuất và nhà xưởng.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty không có các công ty liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty đã ngừng các hoạt động chính, giảm phần lớn số lượng lao động, kết quả kinh doanh trong năm lỗ 7,8 tỷ đồng, lỗ lũy kế vượt quá vốn chủ sở hữu hơn 14 lần, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 146,4 tỷ đồng, ảnh hưởng lớn đến khả năng thanh toán của Công ty. Báo cáo tài chính vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục do Ban Giám đốc tin tưởng vào các kế hoạch tái cơ cấu được trình bày dưới đây tiếp tục giúp Công ty hoạt động. Cụ thể:

Tháng 2/2017, Tổng Công ty Thành An chiếm tỷ lệ sở hữu 51% đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn của mình cho cổ đông mới là Công ty Cổ phần Fujisan Việt Nam, một doanh nghiệp có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực xi măng.

Tới thời điểm lập báo cáo này, Công ty Cổ phần Fujisan Việt Nam đã nhận chuyển nhượng và tiếp quản tư cách cổ đông của Tổng Công ty Thành An và đang thực hiện các hoạt động tái cơ cấu đối với Công ty Cổ phần Thành An 77.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc, thiết bị	8 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	8

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính và hệ thống quản lý chất lượng ISO được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản vô hình là phần mềm máy tính và hệ thống quản lý chất lượng ISO và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 07 đến 10 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là Chi phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước được phân bổ theo thời gian khai thác nước.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Lãi vay phải trả và tiền lương nghỉ phép.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong năm kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty là doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê kho xưởng, máy móc thiết bị.

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	1.761.371.850	1.186.306.850
Tiền gửi ngân hàng	184.433.738	25.864.456
Tổng	**1.945.805.588**	**1.212.171.306**

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	**8.967.559.344**	**8.967.559.344**
Cửa hàng VLXD Xuân Lương	1.358.429.000	1.358.429.000
Đào Xuân Hiếu - TT62	1.127.481.520	1.127.481.520
Nguyễn Đình Thuận - TT63	863.873.000	863.873.000
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	5.617.775.824	5.617.775.824
Dài hạn	**1.619.387.931**	**1.619.387.931**
Đầu hàng đ/c Lộc - TT63	624.097.258	624.097.258
Đầu hàng đ/c Sơn - TT63	512.613.198	512.613.198
Khách hàng khác	482.677.475	482.677.475
Tổng	**10.586.947.275**	**10.586.947.275**

5.3 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	**6.841.947.470**	**6.841.947.472**	**6.841.947.470**	**6.067.588.635**
Tạm ứng	1.246.529.653	1.246.529.655	1.246.529.653	1.115.946.499
Nguyễn Bá Uyển	3.730.682.153	3.730.682.153	3.730.682.153	3.730.682.153
Các khoản khác	1.864.735.664	1.864.735.664	1.864.735.664	1.220.959.983
Dài hạn	**61.950.000**	**-**	**61.950.000**	**-**
Ký quỹ, ký cược	61.950.000	-	61.950.000	-
Tổng	**6.903.897.470**	**6.841.947.472**	**6.903.897.470**	**6.067.588.635**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.4 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	**Giá trị có thể thu hồi**	**Giá gốc**	**Giá trị có thể thu hồi**
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	17.802.410.937	-	17.028.052.100	-

Trong đó:

	Quá hạn 6 tháng-01 năm	**Quá hạn từ 1 - 2 năm**	**Quá hạn từ 2 - 3 năm**	**Quá hạn trên 3 năm**
Phải thu khách hàng ngắn hạn	-	-	-	8.967.559.344
Phải thu khác	-	-	-	7.215.463.662
Phải thu khách hàng dài hạn	-	-	-	1.619.387.931

5.5 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	**Dự phòng**	**Giá gốc**	**Dự phòng**
Nguyên liệu, vật liệu	3.191.958.843	-	3.229.807.295	-
Thành phẩm	-	-	276.133.800	-
Tổng	**3.191.958.843**	**-**	**3.505.941.095**	**-**

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2021	**51.308.228.332**	**100.280.474.481**	**2.021.179.575**	**256.481.067**	**153.866.363.455**
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	**51.308.228.332**	**100.280.474.481**	**2.021.179.575**	**256.481.067**	**153.866.363.455**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2021	**41.619.471.031**	**85.419.338.638**	**2.021.179.575**	**256.101.439**	**129.316.090.683**
Tăng trong năm	**1.893.373.892**	**6.881.202.540**	-	**379.628**	**8.774.956.060**
Khấu hao trong năm	1.893.373.892	6.881.202.540	-	379.628	8.774.956.060
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	**43.512.844.923**	**92.300.541.178**	**2.021.179.575**	**256.481.067**	**138.091.046.743**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2021	**9.688.757.301**	**14.861.135.843**	-	**379.628**	**24.550.272.772**
Tại 31/12/2021	**7.795.383.409**	**7.979.933.303**	-	-	**15.775.316.712**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2021 là 63.072.257.036 đồng (tại 01/01/2021 là 62.072.257.036 đồng).

Phần lớn TSCĐ của Công ty đã được mang đi cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm tin học	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2021	**40.000.000**	**327.987.883**	**367.987.883**
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	**40.000.000**	**327.987.883**	**367.987.883**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2021	**40.000.000**	**326.379.152**	**366.379.152**
Tăng trong năm	-	**1.608.731**	-
Khấu hao trong năm	-	1.608.731	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	**40.000.000**	**327.987.883**	**367.987.883**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2021	-	**1.608.731**	**1.608.731**
Tại 31/12/2021	-	-	-

5.8 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	**11.001.030.214**	-	**11.764.953.457**	-
Công ty Cơ khí Lắp máy LILAMA Ninh Bình	1.668.805.689	-	1.668.805.689	-
Công ty Khoáng sản & Thương mại Hà Tĩnh	1.501.720.700	-	1.501.720.700	-
Công ty CP Than Sông Hồng	1.110.027.560	-	1.110.027.560	-
Phải trả người bán ngắn hạn khác	6.720.476.265	-	7.484.399.508	-
Tổng	**11.001.030.214**		**11.764.953.457**	

Khả năng trả nợ của Công ty tùy thuộc vào khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu cũng như việc tái cơ cấu trong thời gian tới.

5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
Phải nộp	**3.505.108.071**	**340.245.125**	**538.840.050**	**3.306.513.146**
Thuế giá trị gia tăng	1.214.234.981	218.644.075	417.239.000	1.015.640.056
Thuế thu nhập cá nhân	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	116.801.050	116.801.050	-
Thuế khác	2.289.073.090	3.000.000	3.000.000	2.289.073.090
Phải thu	**398.000**	**2.016.000**	**2.016.000**	**398.000**
Thuế tài nguyên nộp thừa	398.000	2.016.000	2.016.000	398.000

5.10 Chi phí phải trả

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	**2.421.214.178**	**2.359.254.178**
Tiền lương nghỉ phép, lễ phép trích trước (các năm)	1.396.097.013	1.396.097.013
Lãi vay phải trả	1.025.117.165	963.157.165
Tổng	**2.421.214.178**	**2.359.254.178**

5.11 Phải trả, phải nộp khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	**89.538.646.486**	**89.538.646.486**
Kinh phí công đoàn	172.419.117	172.419.117
Bảo hiểm xã hội	209.978.780	209.978.780
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	89.156.248.589	89.156.248.589
Ngân hàng TMCP Đầu tư & PT Hà Nam	*43.067.096.159*	*43.067.096.159*
Tổng Công ty Thành An - Công ty TNHH MTV	*40.743.811.395*	*40.743.811.395*
Các khoản phải trả khác	*5.345.341.035*	*5.345.341.035*
Tổng	**89.538.646.486**	**89.538.646.486**

5.12 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		Phát sinh trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn và dài hạn đến hạn trả	**45.100.890.001**	-	-	**342.000.000**	**45.442.890.001**	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam	42.823.936.518	-	-	342.000.000	43.165.936.518	-
Vay cá nhân	1.502.453.483	-	-	-	1.502.453.483	-
Công ty Cổ phần FUJISAN Việt Nam	774.500.000	-	-	-	774.500.000	-
Vay dài hạn	**53.758.447.416**	-	-	-	**53.758.447.416**	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam	53.758.447.416	-	-	-	53.758.447.416	-
Tổng	**98.859.337.417**	-	-	**342.000.000**	**99.201.337.417**	-
Trong đó,						
Vay ngắn hạn là bên liên quan *(Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)*	**774.500.000**	-			**774.500.000**	-

Khả năng trả nợ các khoản vay tùy thuộc vào khả năng thu hồi các khoản công nợ cũng như việc tái cơ cấu của cổ đông mới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.13 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	**13.408.773.482**	**557.613.600**	**(182.033.427.701)**	**(168.067.040.619)**
Lãi/(Lỗ) trong năm	-	-	(8.373.144.873)	(8.373.144.873)
Số dư tại 31/12/2020	**13.408.773.482**	**557.613.600**	**(190.406.572.574)**	**(176.440.185.492)**
Số dư tại 01/01/2021	**13.408.773.482**	**557.613.600**	**(190.406.572.574)**	**(176.440.185.492)**
Lãi/(Lỗ) trong năm	-	-	(7.889.685.859)	(7.889.685.859)
Số dư tại 31/12/2021	**13.408.773.482**	**557.613.600**	**(198.296.258.433)**	**(184.329.871.351)**

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần FUJISAN Việt Nam	6.831.580.000	6.831.580.000
Vốn của Cổ đông khác	6.577.193.482	6.577.193.482
Tổng	**13.408.773.482**	**13.408.773.482**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	13.408.773.482	13.408.773.482
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	13.408.773.482	13.408.773.482
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**1.340.877**	**1.340.877**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**1.340.877**	**1.340.877**
Cổ phiếu phổ thông	1.340.877	1.340.877
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**1.340.877**	**1.340.877**
Cổ phiếu phổ thông	1.340.877	1.340.877
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.206.877.088	2.303.288.364
Tổng	**2.206.877.088**	**2.303.288.364**

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.351.284.008	8.907.703.163
Tổng	**8.351.284.008**	**8.907.703.163**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	44.920	139.438
Tổng	**44.920**	**139.438**

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	61.960.000	61.124.000
Tổng	**61.960.000**	**61.124.000**

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí quản lý	**1.365.826.607**	**538.870.055**
Chi phí nhân viên quản lý	18.000.000	18.000.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	425.280.783	8.836.776
Thuế phí và lệ phí	3.268.428	6.424.428
Chi phí dự phòng	774.358.837	18.245.150
Chi phí bằng tiền khác	144.918.559	487.363.701
Tổng	**1.365.826.607**	**538.870.055**

6.6 Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí khác		
Phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	-	30.356.582
Chi phí khác	317.537.252	1.138.518.875
Tổng	**317.537.252**	**1.168.875.457**

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	**(7.889.685.859)**	**(8.373.144.873)**
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	**(7.889.685.859)**	**(8.373.144.873)**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	1.340.877	1.340.877
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	**(5.883,97)**	**(6.244,53)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1. Giao dịch và số dư với bên liên quan

a. Danh sách bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần FUJISAN Việt Nam	Công ty mẹ

b. Giao dịch với bên liên quan

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Bán hàng, cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần FUJISAN Việt Nam	2.168.695.270	2.265.106.546
Vay và nợ thuê tài chính		
Công ty Cổ phần FUJISAN Việt Nam	-	58.000.000

c. Số dư với bên liên quan

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần FUJISAN Việt Nam	86.524.800	86.524.800
Vay và nợ thuê tài chính		
Công ty Cổ phần FUJISAN Việt Nam	774.500.000	774.500.000

7.2. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nam, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Anh Dũng	Nguyễn Anh Dũng	Nguyễn Đình Công

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77